

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2022

Về việc ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2022/QĐ-HPT ngày 07 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Kim U, sinh năm 1984; thường trú: tổ 2, ấp T xã Trung N, huyện T, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: tổ 3, khu phố Khánh Lộc, phường Tân Phước Khánh, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng G, sinh năm 1979; thường trú: tổ 2, ấp T, xã Trung N, huyện T, Thành phố Cần Thơ; tạm trú: tổ 3, khu phố K, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Kim U trình bày:

Bà Trương Kim U và ông Trần Hoàng G chung sống với nhau vào năm 1999 và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường Trung N, quận T, Thành phố Cần Thơ vào ngày 25-12-2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà U, ông G chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông G thường uống rượu, đánh bạc, có hành vi đánh đập bà U nhiều lần. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, bà U đã khuyên bảo ông G nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà U yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông G.

Về con chung: bà U và ông G có 04 người con chung tên Trần Kim N, sinh năm 1999; Trần Thanh L, sinh năm 2001; Trần Minh H, sinh ngày 12-4-2012 và Trần Tuấn A, sinh ngày 22-9-2017. Khi ly hôn bà U yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Tuấn A, giao con chung tên Trần Minh H cho ông Trần Hoàng G nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trần Kim N và Trần Thanh L đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung.

Chứng cứ do nguyên đơn bà U giao nộp là bản sao giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh cháu Trần Kim N, Trần Thanh L, Trần Minh H và Trần Tuấn A, sổ hộ khẩu và sổ tạm trú mang tên Trần Hoàng G.

Bị đơn ông Trần Hoàng G vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: quá trình tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Trần Hoàng G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Hoàng G.

[2] Bà Trương Kim U và ông Trần Hoàng G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung N, quận T, Thành phố Cần Thơ vào ngày 25-12-2008, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Kim U, Hội đồng xét xử xét thấy: theo lời trình bày của bà U thì trong thời gian chung sống giữa bà U và ông G phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông G thường uống rượu, đánh bạc, có hành vi đánh đập bà U nhiều lần. Bà Uyên và ông G đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông G tham gia tố tụng nhưng ông G vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông G vắng mặt không có lý do, là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng, nghĩa vụ chứng minh của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà U và ông G là thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, bà U yêu cầu được ly hôn với ông G, là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: bà U yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 22-9-2017; giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 12-4-2012 cho ông G nuôi dưỡng. Xét thấy, bà U hiện làm công nhân, đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn A; cháu Trần Minh H đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng sống với ông G nên Hội đồng xét xử giao cháu Trần Tuấn A cho bà U chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu H cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng, là phù hợp. Đối với 02 con chung tên Trần Kim N, sinh năm 1999; Trần Thanh L, sinh năm 2001 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà U không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các điều 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Kim U như sau:

- Về hôn nhân: bà Trương Kim U được ly hôn với ông Trần Hoàng G.

- Về con chung: giao con chung tên Trần Tuấn A, sinh ngày 22-9-2017 cho bà Trương Kim U chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Trần Minh H, sinh ngày 12-4-2012 cho ông Trần Hoàng G chăm sóc, nuôi dưỡng; bà Trương Kim U và ông Trần Hoàng G không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: bà Trương Kim U phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005717 ngày 20-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THA dân sự thị xã Tân Uyên;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Hương Diệp

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Diệp

